

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày 29/3/2023

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ái Thương và ông Nguyễn Trọng Bộ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 29/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2021/TLST – DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 30/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1959

Trú tại: Số nhà 187 đường Quang Tr, phường An L, thị xã Kinh M, tỉnh Hải D.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1965

Trú tại: Số nhà 82 Trần Hưng Đạo, khu Đồng V, thị trấn Phú Th, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1958

Trú tại: Số nhà 86, đường Trần Hưng Đạo, khu Đồng V, thị trấn Phú Th, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Ông Nguyễn Văn B – sinh năm 1950

Trú tại: Khu Đồng V, thị trấn Phú Th, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Bà Phạm Thị Ng – sinh năm 1965

Trú tại: Số nhà 82 Trần Hưng Đạo, khu Đồng V, thị trấn Phú Th, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Bà Phan Thị Th – sinh năm 1960

- Chị Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1992

- Anh Nguyễn Anh T2 – sinh năm 1990

Đều trú tại: SN 21, ngõ 211 đường Nguyễn Tr, phường An L, thị xã Kinh M, tỉnh Hải D.

- Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1968

Trú tại: Số 80 đường Trần Hưng Đạo, khu Đồng V, thị trấn Phú Th, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Ông Nguyễn Văn Ngh – sinh năm 1962 (chết ngày 04/8/2022)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ngh

+ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1968

+ Anh Nguyễn Ngọc T3 – sinh năm 1992

+ Anh Nguyễn Việt T4 – sinh năm 1997

Đều trú tại: Số 80 đường Trần Hưng Đạo, khu Đồng V, thị trấn Phú Th, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

(Bà H, anh T uỷ quyền cho anh T; bà Ng uỷ quyền cho ông M; bà L uỷ quyền cho ông H).

Ông H, ông M, anh T, ông B có mặt

Người làm chứng:

- Bà Đinh Thị H

- Ông Nguyễn Văn Kh

Trú tại: Khu Đồng V, thị trấn Phú Th, huyện Kim Th, tỉnh Hải D

(Đều vắng mặt tại phiên toà và có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn trình bày: Bố mẹ ông là Nguyễn Văn Tu (chết ngày 21/4/1988) và Bùi Thị Mo (chết ngày 06/12/1998) kết hôn và chung sống với nhau và sinh ngoài 6 người con gồm ông, ông Ngh, ông M, bà L, ông B và bà Xuyên – sinh năm 1953 (mất khoảng tháng 5 năm 1988), ngoài ra các cụ không có người con đẻ, con nuôi nào, chồng bà Xuyên là ông Tuấn cũng đã mất khoảng năm 1990. Ngoài 6 người con trên thì ông xác định bố mẹ ông không còn người con người con nuôi, con đẻ nào khác. Bố mẹ ông trước khi chết có để lại diện tích đất 406m² tại thửa 48, tờ bản đồ số 6, tại Kim Anh – Kim Thành – Hải Dương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ ông Bùi Thị Món cấp vào ngày 25/8/1996 và đến hiện tại thửa đất trên vẫn mang tên mẹ ông. Nguồn gốc đất là của các cụ để lại cho bố mẹ ông. Trong tổng diện tích 406m² của bố mẹ ông theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 300 m² đất ở, 48m² đất trồng cây lâu năm, 58 m² đất vườn thừa hợp pháp. Ông không thể xác định được cụ thể từng loại đất ở vị trí nào. Bố ông chết không để lại di chúc.

Năm 1996 mẹ ông đã phân chia diện tích đất trên cho 4 anh em gồm ông, ông Ngh, ông M, bà L, mẹ ông gọi 4 người ra vị trí đất để phân chia cho từng người và sau đó 4 anh em ông có ra đo đạc vị trí đất của từng người ở từng vị trí đất mà mẹ ông đã cho. Ông M, ông Ngh, Bà L làm nhà trên phần đất được cho.

Theo vị trí đất mà mẹ ông cho thì bà L ở phía trong, sau đó đến ông, tiếp đến ông M, sau đó đến ông Ngh. Mỗi người đều có chiều ngang 4m mặt tiền như nhau. Mẹ ông cũng đã chỉ từ mốc hành lang giao thông trở ra là làm đường đi chung cho các anh chị em. Ông xác định tổng thể diện tích đất nằm trong hành lang giao thông là 116m². Còn ông B ở bên cạnh phần đất của mẹ ông, vì trước đó bố mẹ ông đã cho ông B 1 phần diện tích đất cạnh đất của bố mẹ ông nên mẹ ông không chia cho ông B nữa và ông B có biết việc chia đất cho 4 anh em ông và chính ông B là người viết hộ mẹ ông bản di chúc chia đất cho 4 anh em ông. Phần lộ giới hành lang giao thông như trong bản di chúc của mẹ ông hiện tại vẫn còn mốc, còn cụ thể mốc ở đâu như nào ông không nắm được vì hiện các gia đình đã xây nhà lên. Phần đất của ông vẫn là đất trống còn các ông M, Nghi, Liên đã xây nhà trên đất. Ông xác định phần đất mà mẹ ông phân chia cho ông vẫn còn nguyên hiện trạng không ai xây lấn sang. Ông không có công sức tu tạo gì đối với mảnh đất đó. Anh em ông cũng không ai có công sức tu tạo gì vì mảnh đất đó, kể cả phần đường đi chung. Bố mẹ ông trước khi chết cũng không có nghĩa vụ gì đối với ai.

Đối với phần đất mà anh em ông đã được phân chia theo di chúc của mẹ ông thì ông hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì. Vương mắc là phần lối đi chung, hiện nay ông M xây quán và xây phần lán mái proxi mãng trước cửa nhà ông M lấn chiếm vào phần lối đi chung làm cho lối đi chung bị hẹp đi. Khi ông M xây dựng thì ông M không nói gì với ông, vì ông không ở chỗ đấy nên cũng ít về. Ông biết việc ông M xây sau khoảng gần 1 năm sau khi ông M xây thì ông mới biết, ông có bảo ông M là chỗ này là lối đi chung sau này là phải phá đi đấy, ông M không nói gì. Ông M xây lấn vào gần 1 nửa chiều ngang phần lối đi. Hiện tại ông đang có nhà ở ổn định tại phường An Lưu, thị xã Kinh Môn. Mảnh đất trên vì đang có tranh chấp phần lối đi nên chưa thể tách bìa đỏ cho từng người. Hiện tại trên mảnh đất đó có nhà của ông M và vợ là bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1965, cùng địa chỉ ông M và nhà của ông Ngh và vợ là Nguyễn Thị H – sinh năm 1968, cùng địa chỉ với ông M và nhà của bà L. Bố ông chết không để lại di chúc chỉ có mẹ ông để lại di chúc vào năm 1998. Nay ông đề nghị Tòa án phân chia di sản của bố mẹ ông theo di chúc và yêu cầu ông M phải phá dỡ các công trình xây dựng trên phần lối đi chung để trả lại phần lối đi chung cho anh em trong gia đình. Các công trình ông M xây dựng trên lối đi đều là công trình không kiên cố, việc phá dỡ không ảnh hưởng đến nhà của ông M cũng như không ảnh hưởng đến nhà của người khác. Bố mẹ ông ngoài khối di sản 406 m² đất trên thì bố mẹ ông không còn khối di sản nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Về phần lý lịch thống nhất như ông H đã khai. Bố ông mất năm 1988, mẹ ông mất năm 1998. Hiện tại diện tích 406m² tại thửa 48, tờ bản đồ số 6, tại Kim Anh – Kim Thành – Hải Dương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ tôi Bùi Thị Mo cấp

vào ngày 25/8/1996 và đến hiện tại thửa đất trên vẫn mang tên mẹ ông. Nguồn gốc đất ông chỉ biết là của các cụ để lại cho bố mẹ ông. Trong tổng diện tích 406m² của bố mẹ ông theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 300 m² đất ở, 48m² đất trồng cây lâu năm, 58 m² đất vườn thừa hợp pháp. Tôi không thể xác định được cụ thể từng loại đất ở vị trí nào. Năm 1996 khi mẹ ông ốm nằm tại chỗ nhưng tinh thần mẹ ông vẫn còn minh mẫn, tỉnh táo thì có 4 anh em ông gồm có ông, ông Ngh, ông M, Bà L và mẹ ông họp bàn tự phân chia diện tích đất trên với nhau, chia thành 4 phần mà như hiện trạng bây giờ đang ở. Bốn anh em tự phân chia đất với nhau chứ không nhờ ai hay chính quyền vào đo. Anh em chỉ đo và chia phần đất ở để làm nhà chứ không nói gì về phần đất làm đường đi chung nhưng cũng thống nhất với nhau về phần đường đi chung là từ mốc cơ giới trở ra sẽ làm đường đi chung. Việc họp bàn không có ông B tham gia vì trước đó bố mẹ ông đã cho ông B 1 phần diện tích đất cạnh đó và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B sau đó ông B đã bán. Theo vị trí đất mà mẹ ông cho thì bà L ở phía trong, sau đó đến ông H, tiếp đến ông, sau đó đến ông Ngh. Mỗi người đều có chiều ngang 4 m mặt tiền như nhau. Mẹ ông cũng đã chỉ từ mốc hành lang giao thông trở ra là làm đường đi chung cho các anh chị em. Ông xác định tổng thể diện tích đất nằm trong hành lang giao thông là 116m². Còn ông B ở bên cạnh phần đất của mẹ ông, vì trước đó bố mẹ ông đã cho ông B 1 phần diện tích đất cạnh đất của bố mẹ ông nên mẹ ông không chia cho ông B nữa và ông B có việc chia đất cho 4 anh em ông và chính ông B là người viết hộ mẹ ông bản di chúc chia đất cho 4 anh em. Ông B cũng không đòi hỏi quyền lợi gì đối với phần đất đã chia cho 4 anh chị em ông nữa. Phần lộ giới hành lang giao thông như trong bản di chúc của mẹ ông hiện tại vẫn còn mốc nhưng vì các anh em đã xây nhà lên nên hiện không thể xác định mốc lộ giới ở đâu. Phần đất của ông H vẫn là đất trống còn phần đất của ông, Nghị, Liên đã xây nhà trên đất. Ông xác định phần đất mà mẹ ông phân chia cho ông vẫn còn nguyên hiện trạng không ai xây lấn sang. Bố mẹ ông trước khi chết cũng không có nghĩa vụ gì đối với ai. Đối với phần đất mà anh em chúng ông đã tự phân chia và được phân chia theo di chúc của mẹ ông thì ông hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì. Vương mắc của anh em là phần lối đi chung. Hiện nay ông H muốn ông phá hết phần quán và phần mái hiên nhà ông đi để làm đường đi thì ông không nhất trí, ông nhất trí phá phần quán còn phần mái hiên nhà thì ông chỉ lấn vào 1 phần chứ không phải toàn bộ theo như di chúc mẹ ông để lại từ mốc cơ giới trở ra thì kéo ra thì mái hiên nhà ông cũng chỉ vào 1 phần không phải toàn bộ như ông H nói. Hiện tại trên mảnh đất đó có nhà của ông và vợ là bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1965, cùng địa chỉ ông đang ở. Nhà là do vợ chồng ông xây dựng lên. Ông có công sức đổ đất đối với phần đất lối đi chung ở trước cửa nhà ông vì chỗ đó trước kia rất trũng. Ông nhất trí chia theo nội dung di chúc mà mẹ ông đã để lại đối với phần lối đi chung. Còn phần đất ở đã phân

chia thì ông không có ý kiến gì. Bố mẹ ông ngoài khối di sản 406 m² đất trên thì bố mẹ ông không còn khối di sản nào khác. Ông đề nghị Toà án đánh giá tính hợp pháp của di chúc, nếu di chúc của mẹ ông không hợp pháp thì đề nghị chia theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Anh T2 – sinh năm 1958 (chết năm 2019), ông bà kết hôn vào tháng 9 năm 1989. Trước ông Tuấn có vợ là bà Nguyễn Thị X – sinh năm 1953 (chết ngày 14/01/1989), bà Xuyen là con của cụ Tu và cụ M. Bà X và ông Tu không có con chung. Sau khi kết hôn thì ông bà về chung sống với ông Tuấn ở An Lưu – Kinh Môn và sinh được hai con chung là Nguyễn Thị T1 - 1992 và Nguyễn Anh T2 – sinh năm 1990. Trước khi chết ông Tuấn không để lại di chúc gì. Ngoài 2 người con trên thì ông Tuấn và bà không còn người con nào khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H kiện ông M về chia thừa kế phần đất tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành. Sự việc của anh em ông M thì mẹ con bà được biết là anh em nhà ông H đã tự phân chia với nhau xong, còn cụ thể phân chia như thế nào thì mẹ con bà không biết. Nay bà xác định phần đất mà ông H khởi kiện thì mẹ con bà không đòi hỏi quyền lợi gì đối với phần đất đó. Tự các anh em nhà ông H giải quyết với nhau. Bà và các con không cần phân chia quyền lợi gì đối với mảnh đất đó. Nếu trường hợp bà và các con có quyền lợi đối với di sản đó thì xin từ chối không nhận phần di sản được nhận. Mẹ con bà đề nghị Toà án giải quyết phân chia cho anh em nhà ông H, không phân chia cho mẹ con bà. Hiện tại mẹ con bà đã có nhà riêng ở ổn định tại phường An Lưu, thị xã Kinh Môn. Ông Tu và mẹ con bà không có ngày nào ở trên phần đất đó. Ông Tu cũng như mẹ con bà không có công sức gì đối với mảnh đất đó. Bà X cũng sinh sống ở Kinh Môn từ khi lấy ông Tuấn cho đến lúc chết, cũng không có công sức gì đối với phần đất mà ông H khởi kiện. Vì tuổi cao sức yếu và công việc ở xa nên mẹ con bà đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt mẹ con bà và không có ý kiến gì.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/02/2022 ông Nguyễn Văn Ngh trình bày: Về lý lịch gia đình, di sản thừa kế thống nhất như nguyên đơn, bị đơn khai. Năm 1996 khi mẹ ông ốm nằm tại chỗ nhưng tinh thần mẹ ông vẫn còn minh mẫn, tỉnh táo thì mẹ ông và 4 anh em ông gồm có ông, ông H, ông M, Bà L họp bàn tự phân chia diện tích đất trên với nhau, chia thành 4 phần mà như hiện trạng bây giờ đang ở. Bốn anh em ông tự đo và phân chia đất với nhau chứ không nhờ ai hay chính quyền vào đo. Anh em chỉ đo và chia phần đất ở để làm nhà chứ không nói gì về phần đất làm đường đi chung nhưng cũng thống nhất với nhau về phần đường đi chung là từ mốc cơ giới trở ra sẽ làm đường đi chung. Theo vị trí đất mà mẹ ông cho thì bà L ở phía trong, sau đó đến ông H, tiếp đến ông M, sau đó đến ông. Mỗi người đều có chiều ngang 4 m mặt tiền như nhau. Mẹ ông cũng đã chỉ từ mốc hành lang giao thông trở ra là làm đường

đi chung cho các anh chị em. Ông xác định tổng thể diện tích đất nằm trong hành lang giao thông là 116m². Đối với phần đất mà anh em ông đã tự phân chia và được phân chia theo di chúc của mẹ ông thì ông hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì. Vướng mắc của anh em là phần lối đi chung. Ông nhất trí chia theo nội dung di chúc mà mẹ ông đã để lại đối với phần lối đi chung. Còn phần đất ở đã phân chia thì ông không có ý kiến gì. Bố mẹ ông ngoài khối di sản 406 m² đất trên thì bố mẹ ông không còn khối di sản nào khác.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ngh và người đại diện theo uỷ quyền của bà H, anh T4 là anh T3 trình bày: Ông Ngh mất ngày 04/8/2022, không để lại di chúc. Mẹ con anh nhất trí hoàn toàn nội dung bản di chúc cụ M để lại, phần làm đường đi đã ghi rõ trong bản di chúc nên các bên theo đó mà thực hiện. Đề nghị Toà án xem xét tính hợp pháp của di chúc nếu di chúc không hợp lệ thì đề nghị chia theo pháp luật. Đối với phần lộ giới theo di chúc thì anh không xác định được vị trí cụ thể ở chỗ nào. Nhưng anh đề nghị chia phải đảm bảo diện tích đất cho quyền lợi của bố anh được hưởng. Nếu các bên thống nhất thì anh chấp nhận phá nửa phần làm lán tôn đi để làm đường đi chung còn nếu không thống nhất được thì đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Mẹ con anh xin nhận bằng hiện vật là đất. Nếu xác định phần lán tôn nhà anh vào phần đường đi chung thì gia đình anh tự phá bỏ chứ mẹ con anh không yêu cầu bồi thường hay đòi hỏi quyền lợi gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B trình bày: Về lý lịch gia đình, di sản thừa kế thống nhất như nguyên đơn, bị đơn đã khai. Ông xác định bố ông chết không để lại di chúc. Năm 1996 khi mẹ ông còn sống thì mẹ ông có họp gia đình phân chia đất cho ông H, ông M, ông Ngh, bà L và các bên đã tự đo phân chia đất, xây dựng nhà ở trên đất như hiện tại. Trước khi chết mẹ ông có để lại di chúc thể hiện phân chia đất cho 4 người trên và xác định phần làm lối đi chung. Việc họp gia đình để phân chia đất thì ông có biết và chính ông là người viết di chúc cho mẹ ông. Trước đây ông đã được bố mẹ ông cho 1 phần đất giáp phần đất đang tranh chấp nên nay ông không đòi hỏi quyền lợi gì đối với phần đất ông H khởi kiện. Ông đề nghị các bên thực hiện đúng như di chúc của mẹ ông để lại. Di chúc có người làm chứng là ông Nguyễn Văn Kháng và có xác nhận của chính quyền địa phương. Thời điểm lập di chúc mẹ ông hoàn toàn khoẻ mạnh, minh mẫn, nội dung di chúc chủ yếu làm lối đi chung cho các con vì thực chất đất đã phân chia cho các con. Lộ giới đường đi trước đây như nào ông không nắm rõ nhưng khả năng vào đến phần hiên nhà ông M. Nếu di sản thừa kế phải chia theo pháp luật thì ông xin từ chối không nhận, ông không có công sức tu tạo gì. .

Người làm chứng bà Đinh Thị Hằng khai: Bà là chủ tịch UBND thị trấn Phú Thái thời điểm năm 1998, hiện bà đã nghỉ hưu. Vào ngày 18/11/1998 bà Môn minh mẫn, tinh táo có lập bản di chúc. Người viết hộ bà Môn là ông B (con

traí bà Món). Tại bản di chúc bà Món tự nguyện chia đất cho các con gồm ông H, ông M, bà L, ông Ngh và trực tiếp bà điểm chỉ vào di chúc. Tại bản di chúc bà Món xác định mốc lộ giới của thửa đất và ghi vào di chúc là do bà Món ghi chứ thời điểm đó chưa được cắm mốc lộ giới cụ thể tại đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Kháng khai: Ông xác định ông là hàng xóm của ông B, chữ ký của ông trong bản di chúc của cụ M là đúng. Vì lâu rồi ông không nhớ nội dung, hoàn cảnh, thời gian ký vào di chúc.

Tại phiên tòa:

Ông H có mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày tại Tòa án và đề nghị giữ nguyên hiện trạng đất như hiện tại các bên đang sử dụng, không cần phải trả giá trị chênh lệch tài sản nếu được nhận. Ông tự nguyện trích một phần đất khoảng 3m² của ông làm lối đi chung cho phù hợp. Đối với các cây trồng trên phần đất của ông là do ông M trồng và ông đã tự chặt đi nên ông không đề nghị xem xét giải quyết.

Ông M, anh T3 có mặt giữ nguyên quan điểm đã trình bày và đề nghị giữ nguyên hiện trạng đất như hiện tại các bên đang sử dụng, không cần phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho nhau nếu được nhận và không yêu cầu trả giá trị tài sản trên đất bị phá bỏ nếu nằm vào đường đi chung. Ông M đề nghị được giao phần đất ông được hưởng theo di chúc giao chung cho vợ chồng ông vì có các tài sản trên đất là của vợ chồng ông. Đối với các cây trồng trên phần đất của ông H là do ông trồng và ông đã tự chặt đi nên ông không yêu cầu giải quyết. Anh T3 đề nghị giao phần đất và tài sản trên đất của bố anh được hưởng cho 3 mẹ con anh cùng quản lý, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 652, 653, 655, 656, 657 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 100 luật đất đai năm 2013, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

- Xác định di chúc ngày 18/11/1998 của cụ M là hợp pháp.

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông B, bà Th, chị Tuyết, anh Tuyên đề nghị công nhận việc đã phân chia phần đất trong gia đình và theo di chúc của cụ M và không yêu cầu được phân chia quyền lợi gì đối với thửa đất trên.

- Giao bằng hiện vật là diện tích đất cho ông H, ông M, bà L, bà H, anh T3, anh T4 theo hiện trạng các bên đang sử dụng

- Trích 1 phần diện tích làm lối đi chung cho các hộ bà L, ông H, ông M, bà H, anh T3, anh T4.

- Buộc ông M, bà Ng phải tháo dỡ toàn bộ phần quán sửa xe có diện tích 8,9m2, 01 phần diện tích mái tôn và 1 phần hiên lát gạch hoa

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông H trích khoảng 3m2 làm ngõ đi chung.

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông M, anh T3 không yêu cầu phải trả giá trị tài sản bị phá bỏ trên phần đất làm ngõ đi chung.

- Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng và không yêu cầu phải trả giá trị chênh lệch tài sản được giao cho nhau.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của ông H chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí đối với phần diện tích đất được giao. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H, bà L theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 **Bộ luật Dân sự năm 2015** quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Cụ Bùi Thị Món chết năm 1998. Ngày 14/10/2021 ông Nguyễn Văn H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của cụ M theo di chúc vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tài sản tranh chấp và các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Kim Thành. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th, anh T2, chị T1 vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Bà H, anh T4 vắng mặt nhưng đã uỷ quyền cho anh T3. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, anh Tuyên, chị Tuyết, bà H, anh T4 là phù hợp pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, thu thập xác minh tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Cụ Nguyễn Văn Tu chết năm 1988 và Bùi Thị M chết năm 1998. Các cụ kết hôn và chung sống với nhau và sinh được 6 người con gồm ông H, ông Ngh, ông M, ông B, bà L, bà X (bà X chết năm

1989). Thời điểm mở thừa kế của cụ M là ngày 06/12/1998. Thời điểm mở thừa kế của cụ Tu là ngày 21/4/1988. Cụ Tu chết năm 1988 không để lại di chúc theo công văn số 01/GĐ-TANDTC giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ: “Đối với trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/09/1990; thì thời hiệu khởi kiện di sản thừa kế là Bất động sản được thực hiện theo quy định tại điều 36 pháp lệnh thừa kế năm 1990; và hướng dẫn tại nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990; của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về thừa kế. Thời hiệu bắt đầu tính là từ ngày 10/09/1990”. Do vậy thời hiệu thừa kế của cụ Tu tính từ ngày 10/9/1990, đến ngày 19/10/2021 ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là hơn 31 năm nên đã hết thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nguồn gốc di sản: Căn cứ vào các tài liệu do UBND thị trấn Phú Thái cung cấp: Diện tích đất tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/8/1996 mang tên Bùi Thị Món. Nguồn gốc đất ông cha của cụ M, cụ Tu để lại. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đo hiện trạng thực tế diện tích đất trên là 458,5m². Kết quả xác minh tại UBND thị trấn Phú Thái và tại các hộ gia đình liên kế xác định thửa đất trên từ trước đến nay không có tranh chấp với ai, không lấn chiếm đất của nhà nước, công trình công cộng cũng như của các cá nhân, hộ gia đình nào. Diện tích đất trên có sự chênh lệch số đo là do công tác đo đạc. Theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tổng diện tích đất trên là 406m² trong đó có 300m² đất ở, 48m² đất trồng cây lâu năm, 58m² đất vườn thừa hợp pháp nhưng căn cứ theo quy định, nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất thì toàn bộ diện tích đất trên được xác định là đất ở. Tuy nhiên khi phân chia thì cũng sẽ phân chia cụ thể từng loại đất cho các thừa kế. Xác định trong tổng số diện tích 458,5m² thì có 352,5m² đất ở, 48m² đất trồng cây lâu năm, 58m² đất vườn thừa hợp pháp. Hiện trạng đất các con cụ M sử dụng là do gia đình tự phân chia chứ chưa ra xã làm thủ tục tách thửa, toàn bộ diện tích đất trên qua các thời kỳ vẫn mang tên cụ M. Nên xác định diện tích đất của cụ Tu và cụ M là 458,5m². Quá trình chung sống các cụ chưa có thoả thuận phân chia tài sản nên xác định là tài sản chung của cụ Tu và cụ M chưa chia. Do vậy xác định cụ Tu và cụ M mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên.

[5] Xét di chúc ngày 18/11/1998 của cụ M thì thấy: Về hình thức di chúc bằng văn bản được viết tay, có chữ ký và điểm chỉ của người để lại di sản, có người làm chứng và có xác nhận của UBND thị trấn Phú Thái. Về mặt nội dung: Di chúc thể hiện rõ tên, địa chỉ người để lại di sản, địa chỉ thửa đất, họ tên người nhận di sản, vị trí đất phân chia cho từng người nhận di sản. Người để lại di chúc hoàn toàn minh mẫn, tinh táo, việc chia di sản trong di chúc là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật. Do di chúc viết vào

thời điểm năm 1998, lúc đó Bộ luật dân sự năm 1995 vẫn có hiệu lực, do vậy về mặt hình thức và nội dung của di chúc đảm bảo theo quy định tại Điều 652, 653, 655, 656, 657 của Bộ luật dân sự năm 1995. Xét thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là tài sản chung của cụ Tu và cụ M. Việc cụ M tự định đoạt đối với toàn bộ thửa đất trên chỉ có giá trị đối với $\frac{1}{2}$ di sản của cụ M. Còn $\frac{1}{2}$ di sản của cụ Tu thì các thừa kế đều xác định cụ M và các con đều đã tự thống nhất phân chia với nhau từ năm 1996 đối với thửa đất trên trong đó có cả phần tài sản của cụ Tu. Do vậy $\frac{1}{2}$ di sản của cụ Tu không đặt ra vấn đề thời hiệu vì các thừa kế đã tự thống nhất phân chia với nhau xong từ năm 1996. Di chúc của cụ M cũng chỉ thể hiện lại theo đúng nguyện vọng, ý chí phân chia đất của cụ M và các thừa kế. Tuy nhiên diện tích đất mà các bên đã tự phân chia chưa được điều chỉnh trên sổ sách của địa phương quản lý mà vẫn đứng tên cụ M nên không thể áp dụng theo tinh thần của án lệ số 24 năm 2018 ngày 06/11/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao trong vụ án này. Nên di chúc trên là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Do vậy ông H khởi kiện chia di sản thừa kế theo di chúc là có căn cứ cần được chấp nhận.

[6] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện: Tổng diện tích đất 458,5m². Giá trị đất ở = 352,5m² x 40.000.000đ/1m² = 14.100.000.000 đồng. Đất trồng cây lâu năm và đất vườn thừa hợp pháp = 106m² x 20.000.000 đồng = 2.120.000.000 đồng.

Cụ thể hiện trạng phần diện tích đất bà L đang quản lý là 99,6m² có các tài sản trên đất do bà L làm gồm: nhà mái bằng = 83.196.000đ, mái tôn trước nhà = 1.232.000đ, công trình phụ sau nhà = 61.890.000đ, lán froximang = 16.029.000đ,

Hiện trạng phần đất ông H đang quản lý, sử dụng là 101,3m².

Hiện trạng phần diện tích đất ông M đang quản lý, sử dụng là 123,4m² có các tài sản trên đất do ông M, bà Ng làm gồm: Nhà 2 tầng trị giá 173.828.000đ, mái froximang = 2.774.000đ, 01 quán sửa xe = 6.942.000đ, 01 mái tôn sau nhà = 1.274.000đ, công trình phụ = 70.006.000đ, 01 bếp mái froximang = 12.852.000đ.

Hiện trạng phần đất bà H đang quản lý, sử dụng là 107,6m² có các tài sản trên đất do ông Ngh, bà H làm gồm: Nhà 3 tầng = 649.008.000đ, 01 quán lợp mái tôn = 6.067.000đ, 01 mái tôn trước cửa quán = 4.817.000đ; ngõ đi chung = 26,6m², các tài sản trên ngõ đi chung: 01 phần mái froximang do ông M xây dựng = 125.000đ, 01 sân trệt bê tông = 342.948đ.

[7] Tại nội dung di chúc thể hiện cụ M phân chia đất cho 4 người con cụ thể như sau: “1) Nguyễn Thị L phía nam giáp nhà ông Chổng, phía tây giáp ao nhà ông vưon, phía đông giáp nhà ông Thìn, phía bắc giáp đất cậu Hữu. 2) Nguyễn Văn H phía đông giáp ông Thìn, phía tây giáp nhà chị Liên, phía bắc giáp nhà ông M, 3) Nguyễn Văn M phía đông giáp đường 188, phía bắc giáp

nhà anh Nghi, phía tây giáp nhà anh Hùng, phía nam giáp miếng đất anh Hữu.
4) *Nguyễn Văn Ngh phía đông giáp đường 188, phía bắc giáp nhà anh Trường, phía tây giáp nhà anh Hùng, phía nam giáp nhà anh Minh. Phần đất chia này tính từ mốc cơ giới trở vào trong, phần đất lộ giới trở ra đường dùng làm lối đi chung cho 4 gia đình*”. Các thừa kế cũng xác định vào năm 1996 gia đình gồm cụ M và các con đã tự phân chia đất với nhau và xác nhận bản di chúc của cụ M thể hiện đúng ý chí phân chia đất cho các con của cụ. Các bên đã tự đo diện tích đất được phân chia và đã sử dụng ổn định từ năm 1996 cho tới nay. Việc phân chia đất giữa cụ M và các con chỉ do gia đình tự phân chia chứ chưa ra chính quyền địa phương làm thủ tục để tách thửa, thửa đất trên cũng chưa điều chỉnh sang tên cho các con cụ M trên sổ sách quản lý đất đai của xã. Theo các bản đồ từ năm 1986, 1994, 2001 thửa đất trên vẫn đứng tên cụ M. Tuy trong di chúc không thể hiện số đo diện tích cụ thể của 4 người nhưng các thừa kế đều xác định sau khi được phân chia thì ông Ngh, ông M, bà L đã xây nhà kiên cố trên đất, ông H cũng xác định phần đất được phân chia đúng như hiện trạng sử dụng như hiện tại không ai lấn sang phần đất của ai. Nay các thừa kế đều đề nghị công nhận và thực hiện theo di chúc của cụ M để lại và đề nghị giữ nguyên hiện trạng đất như hiện tại. Tuy nhiên có xem xét về phần lối đi chung cho các gia đình.

[8] *Về phần diện tích đất ngõ đi chung*: Tại bản di chúc không xác định cụ thể diện tích đất làm ngõ đi chung mà chỉ thể hiện phần đất cơ giới trở ra đường dùng làm ngõ đi chung cho cả 4 gia đình. Tại biên bản xác minh tại phòng kinh tế hạ tầng huyện Kim Thành thể hiện: Căn cứ theo bản đồ trích lục quy hoạch của thị trấn Phú Thái hiện hành tại thời điểm năm 1996 (thời gian cấp giấy chứng nhận cho cụ M) đường ngõ gia đình cụ M tại đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Thái không có pháp lý trên trích lục bản đồ và quy hoạch tuyến đường trên. Việc có ngõ đi là do gia đình cụ M tự hiến đất để làm đường đi lại cho các con. Trước thời điểm năm 1999 tại tuyến đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Thái chưa có quy hoạch chi tiết. Bà Đinh Thị Hằng nguyên là chủ tịch UBND thị trấn Phú Thái và là người trực tiếp ký vào bản di chúc của cụ M cũng xác nhận di chúc của cụ M xác định mốc giới lộ giới của thửa đất và ghi vào di chúc là do cụ M tự ghi vì địa phương thời điểm đó chưa được cắm mốc giới, lộ giới cụ thể tại đoạn đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Thái. Bản thân các thừa kế cũng không xác định được mốc lộ giới ở đâu. Do vậy việc cụ M ghi trong di chúc để làm đường đi là do gia đình tự ghi. Nay các đương sự tự thống nhất phân chia phần đất đang ở, còn ngõ đi chung không thống nhất được. Xét thấy việc các bên đề nghị Toà án ghi nhận việc phân chia đất theo di chúc như hiện trạng thực tế các bên sử dụng và không bên nào phải trả giá trị tài sản cho bên nào là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận. Tuy nhiên do hình thể đất phân chia cần phải tạo ngõ đi

chung cho các hộ được chia ở phía trong thì mới đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và đúng quy định của pháp luật.

[9] Xét hiện trạng sử dụng đất hiện tại của bà L có diện tích là 99,6m², ông H là 101,3m², ông M là 123,4m², ông Ngh là 107,6m². Tổng diện tích đất các gia đình đã sử dụng là 431,9m², phần ngõ đi là 26,6m². Ông H cho rằng ông M xây phần hiên nhà và lán tôn trước hiên nhà chính, quán sửa xe bên ngoài, ông Ngh xây lán tôn lấn vào phần đường đi chung. Còn ông M xác định ông chỉ lấn phần làm quán sửa xe và 1 phần hiên khoảng 30cm, nếu phải phá dỡ để tạo ngõ đi chung cho rộng thì ông cũng nhất trí phá hết phần quán, anh T3 cũng nhất trí phá phần lán tôn bên ngoài và không yêu cầu tính giá trị các công trình sẽ phá dỡ trên vì xác định các công trình trên không kiên cố mà có thể tháo dỡ được. Ông H xác định nếu phải lấy 1 phần diện tích đất của ông làm lối chung thì ông cũng nhất trí. Xét thấy ông H, ông M đều xác định diện tích làm ngõ đi chung khoảng 116m² nhưng đo hiện trạng thực tế hiện ngõ đi chung còn 26,6m². Nên căn cứ vào hiện trạng sử dụng thực tế cần phải tạo ngõ đi chung cho các hộ bên trong tạo đường đi thông thoáng cho các bên nhưng vẫn phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các công trình kiên cố đã xây dựng. Xét thấy việc ông M, anh T3 tự nguyện phá dỡ các công trình trên đất, ông H tự nguyện trích một phần đất làm ngõ đi chung là tự nguyện cần ghi nhận. Tuy nhiên phần lán tôn làm trước nhà chính của ông M có diện tích là 20,9m² do vợ chồng ông M làm và ông xác định có lấn vào lối đi chung khoảng 30cm nên xét thấy việc ông H cho rằng phần lán tôn trước nhà ông M đã lấn vào đường đi chung là có căn cứ, tuy nhiên tổng phần lán tôn có diện tích là 20,9m² cũng tương ứng với phần diện tích hiên nhà chính của ông M, hơn nữa nhà ông M là nhà 2 tầng có mái trên đua ra 1,8m nên khi chia đất làm ngõ đi chung cũng cần đảm bảo không ảnh hưởng đến kết cấu công trình kiên cố của gia đình ông M. Nên cần trích 3,0m² đất (có kích thước 0,8m x 3,85m) phần hiên trước nhà chính nhà ông M và 16,8m² phần diện tích đất làm quán của ông M, trích 11m² đất (có kích thước từ điểm B7, B6, A15, A16, B7) của bà H, anh T3, anh T4 làm ngõ đi chung, trích 3,1m² đất (có kích thước là 0,8m x 3,97m) của ông H làm ngõ đi chung. Khi trích phần đất làm ngõ đi chung từ nhà ông H, ông M, bà H sẽ kéo thành một đường thẳng nên diện tích đất nhà bà H sẽ thêm 4,4m² (là phần quán sửa xe của ông M). Do vậy tổng diện tích đất của ông H sau khi trích đất làm ngõ đi chung còn là 98,2m², diện tích đất của ông M, bà Ng còn là 99,2m², diện tích đất của bà H, anh T3, anh T4 còn là 101m², nhà bà L là 99,6m². Tổng diện tích đất làm ngõ đi chung là 60,5m². Theo quy định của pháp luật thì diện tích làm ngõ đi chung phải là đất ở. Do vậy trích 60,5m² đất ở trong tổng số diện tích đất ở 352,5m² làm ngõ đi chung. Tổng diện tích đất ở còn lại là 292m².

Buộc ông M phải tháo dỡ toàn bộ phần quán sửa xe là 8,9m² nằm trên diện tích đất là 21,2m², 01 phần diện tích mái tôn và hiên lát gạch đá hoa trước nhà chính là 3,0m² (có kích thước 0,8m x 3,85m).

Buộc gia đình bà H tháo dỡ phần lán tôn bên ngoài trên diện tích đất là 11m² (có kích thước từ điểm B7,B6,A15,A16,B7) đã trích làm ngõ đi chung.

[10] Giao cho bà L được quản lý, sử dụng diện tích đất là 99,6m² (trong đó có 73m² đất ở, 12m² đất trồng cây lâu năm, 14,6m² đất vườn thừa hợp pháp) = 3.452.000.000 đồng và các tài sản trên đất của bà L gồm: nhà mái bằng, mái tôn trước nhà, công trình phụ sau nhà, lán froximang tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,B3,A20,A1.

Giao cho ông H được quản lý, sử dụng diện tích đất là 98,2m² (trong đó có 73m² đất ở, 12m² đất trồng cây lâu năm, 13,2m² đất vườn thừa hợp pháp) = 3.424.000.000 đồng tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ các điểm B3,A7,A8,B1,B3.

Giao cho ông M, bà Ng được đang quản lý, sử dụng diện tích đất là 99,2m² (trong đó có 73m² đất ở, 12m² đất trồng cây lâu năm, 14,2m² đất vườn thừa hợp pháp) = 3.444.000.000 đồng và các tài sản trên đất do ông M, bà Ng làm gồm: Nhà 2 tầng, 1 phần mái froximang trước nhà, 01 mái tôn sau nhà, công trình phụ, 01 bếp mái froximang tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ các điểm B1, A8,A9,A10,A11,B2,B1.

Giao cho bà H, anh T3, anh T4 cùng đồng quản lý, sử dụng diện tích đất là 101m² (trong đó có 73m² đất ở, 12m² đất trồng cây lâu năm, 16m² đất vườn thừa hợp pháp) = 3.480.000.000 đồng và các tài sản trên đất do ông Ngh, bà H làm gồm: nhà 3 tầng, 01 quán lợp mái tôn tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ các B2,A11,A12,A13,A14,B6,B2.

[11] Xác định phần diện tích đất làm ngõ đi chung cho gia đình bà L, ông H, ông M, bà H, anh T3, anh T4 tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là 60,5 m² từ các điểm A15, A16, A17, A18, A19, A20, B3, B1, B2, B7, B6, A15.

[12] Chấp nhận sự tự nguyện của ông M, anh T3 không yêu cầu phải trả giá trị tài sản bị phá bỏ trên phần đất làm đường đi chung.

[13] Chấp nhận sự tự nguyện của ông B, bà Th, chị T1, anh T2 đề nghị công nhận việc đã phân chia phần đất trong gia đình và theo di chúc của cụ M và

không yêu cầu được phân chia quyền lợi gì đối với thửa đất trên và nếu có được phân chia thì xin từ chối không nhận. Xét nguyện vọng này của các đương sự là tự nguyện, hợp pháp, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[14] Đối với tất cả các cây trồng trên phần đất của ông H các đương sự đều xác định là của ông M trồng và hiện ông M đã tự chặt đi, không tiến hành định giá được. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[15] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được giao. Ông H, bà L thuộc người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[16] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và ông đã nộp xong, nên chấp nhận sự tự nguyện của ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 652, 653, 655, 656, 657 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 100 luật đất đai năm 2013, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.
2. Xác định di chúc ngày 18/11/1998 của cụ M là hợp pháp.
3. Chấp nhận sự tự nguyện của ông B, bà Th, chị T1, anh T2 đề nghị công nhận việc phân chia phần đất trong gia đình và theo di chúc của cụ M và không yêu cầu được phân chia quyền lợi gì đối với thửa đất trên.
4. Chấp nhận sự tự nguyện của ông H về việc trích 3,1m² (có kích thước là 0,8m x 3,97m) làm ngõ đi chung.
5. Trích 3,0m² đất (có kích thước 0,8m x 3,85m) phần hiên trước nhà chính của ông M và 16,8m² diện tích đất làm quán của ông M; trích 11m² đất của bà H, anh T3, anh T4; trích 3,1m² đất (có kích thước là 0,8m x 3,97m) của ông H để làm ngõ đi chung.

6. Giao bằng hiện vật là đất cụ thể như sau:

Giao cho bà L được quản lý, sử dụng diện tích đất là 99,6m² (trong đó có 73m² đất ở, 12m² đất trồng cây lâu năm, 14,6m² đất vườn thừa hợp pháp) = 3.452.000.000 đồng và các tài sản trên đất của bà L gồm: nhà mái bằng, mái tôn

trước nhà, công trình phụ sau nhà, lán froximang tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,B3,A20,A1.

Giao cho ông H được quản lý, sử dụng diện tích đất là 98,2m² (trong đó có 73m² đất ở, 12m² đất trồng cây lâu năm, 13,2m² đất vườn thừa hợp pháp) = 3.424.000.000 đồng tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ các điểm B3,A7,A8,B1,B3.

Giao cho ông M, bà Ng được đang quản lý, sử dụng diện tích đất là 99,2m² (trong đó có 73m² đất ở, 12m² đất trồng cây lâu năm, 14,2m² đất vườn thừa hợp pháp) = 3.444.000.000 đồng và các tài sản trên đất do ông M, bà Ng làm gồm: Nhà 2 tầng, 1 phần mái froximang trước nhà, 01 mái tôn sau nhà, công trình phụ, 01 bếp mái froximang tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ các điểm B1, A8,A9,A10,A11,B2,B1.

Giao cho bà H, anh T3, anh T4 cùng đồng quản lý, sử dụng diện tích đất là 101m² (trong đó có 73m² đất ở, 12m² đất trồng cây lâu năm, 16m² đất vườn thừa hợp pháp) = 3.480.000.000 đồng và các tài sản trên đất do ông Ngh, bà H làm gồm: nhà 3 tầng, 01 quán lợp mái tôn tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ các B2,A11,A12,A13,A14,B6,B2.

7. Xác định phần diện tích đất ở làm ngõ đi chung cho gia đình bà L, ông H, ông M, bà H, anh T3, anh T4 tại thửa đất số 48, tại tờ bản đồ số 6 (Theo bản đồ đo đạc năm 2001 nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 18) tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là 60,5 m² từ các điểm A15, A16, A17, A18, A19, A20, B3, B1, B2, B7, B6, A15.

8. Buộc ông M, bà Ng phải tháo dỡ toàn bộ phần quán sửa xe có diện tích 8,9m², 01 phần diện tích mái tôn và 1 phần hiên trước nhà chính lát gạch hoa là 3m² (có kích thước 0,8m x 3,85m).

Buộc gia đình bà H tháo dỡ phần lán tôn bên ngoài trên diện tích đất là 11m² (có kích thước từ điểm B7,B6,A15,A16,B7) đã trích làm ngõ đi chung.

9. Chấp nhận sự tự nguyện của ông M, anh T3 không yêu cầu phải trả giá trị tài sản bị phá bỏ trên phần đất làm đường đi chung.

10. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng và không yêu cầu phải trả giá trị chênh lệch tài sản được giao cho nhau.

Việc chia đất có sơ đồ kèm theo.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ Quyết định của bản án ông H, ông M, bà L, bà H, anh T3, anh T4 được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có

thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với di sản thừa kế là diện tích đất được giao.

11. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của ông H chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000 đồng. Đối trừ số tiền ông H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000 đồng, xác nhận ông H đã nộp xong.

12. Về án phí: Ông M, bà Ng cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 100.880.000 đồng. Bà H, anh T3, anh T4 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.866.667 đồng (*đã làm tròn số*). Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H, bà L.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh